

Số: 331/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Quyết định số 4428/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình tái canh cà phê chè;

Căn cứ Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 20/01/2020 của Ban Thường vụ tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 55/TTr-SNN ngày 19 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Mai Sơn, Thuận Châu, Yên Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Các Doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, Phú 20b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Tráng Thị Xuân



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

Phần I

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;
- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Nghị định số 84/2019/ND-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

- Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp;

- Quyết định số 4428/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình tái canh cà phê chè;

- Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 20/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Cơ sở thực tiễn

Cây cà phê được phát triển từ lâu đến nay đã khẳng định vị thế của mình là một cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, mang lại thu nhập ổn định cho các hộ trồng cà phê. Đến năm 2020 diện tích cà phê toàn tỉnh đạt 17.804 ha, sản lượng 27.581 tấn cà phê nhân. Trên địa bàn đã hình thành được một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh, theo chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến và bảo vệ môi trường, từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, xuất khẩu.

Giá trị sản xuất cà phê năm 2020 (tính theo giá so sánh 2010) ước đạt 789.350 triệu đồng, chiếm 8,81% tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt, chiếm 66,2% giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và tăng 164% so với năm 2016; sản phẩm cà phê Sơn La đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý năm 2017; hình thành các nhà máy chế biến cà phê áp dụng công nghệ hiện đại sản xuất, chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị sản phẩm cà phê Sơn La; ổn định đầu ra và cải thiện thu nhập cho người sản xuất, tạo thêm việc làm, góp phần cơ cấu lại sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng sản xuất cà phê tại Sơn La.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được, sản xuất cà phê trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, diện tích cà phê phát triển khá nhanh, một số diện tích còn phân tán, việc chuyển đổi cơ cấu giống còn hạn chế chủ yếu là giống cà phê chè Catimor chưa chọn lọc, diện tích cà phê già cỗi chiếm tỷ lệ khá cao; canh tác cà phê còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, địa hình phức tạp dẫn đến việc thực hiện áp dụng các quy trình kỹ thuật chưa mang tính bền vững; sản xuất cà phê chưa gắn với thích ứng biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu tư thâm canh của người sản xuất.

Chuỗi giá trị của ngành hàng từ sản xuất, kiểm soát chất lượng đến thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm cũng như xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại chưa gắn kết chặt chẽ; các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh cà phê bộc lộ nhiều mặt hạn chế; sơ chế, chế biến cà phê quy mô nông hộ và các cơ sở chế biến khác còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến môi trường. Chính vì vậy việc xây dựng Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến và bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La, là nhiệm vụ rất cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CÀ PHÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2020

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CÀ PHÊ

1. Diện tích, năng suất, sản lượng

Cây cà phê chè tại Sơn La được người sản xuất và chính quyền địa phương rất quan tâm phát triển trong những năm qua, trở thành cây trồng chủ lực, hình thành vùng trồng tập trung gắn với các cơ sở chế biến, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ, xuất khẩu sang một số thị trường quốc tế, đem lại thu nhập cho người sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thời gian qua. Năm 2016 diện tích cà phê là 17,6 nghìn ha; năm 2019 diện tích cây cà phê đạt 17,8 nghìn ha; năng suất biến động từ 14,8 tạ /ha đến 16,8 tạ/ha (năm 2019); sản lượng năm 2019 đạt 25,5 nghìn tấn.

Đến năm 2020, diện tích trồng cà phê của tỉnh là 17.804 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch là 15.346 ha, năng suất 17,97 tạ/ha (cà phê nhân), sản lượng đạt 27.581 tấn cà phê nhân. Hiện nay, diện tích trồng cà phê của Sơn La chủ yếu tập trung tại các huyện Mai Sơn 6.130 ha, sản lượng 13.950 tấn; huyện Thuận Châu 5.538 ha, sản lượng 3.270 tấn; thành phố Sơn La 4.908 ha, sản lượng 8.970 tấn; huyện Sốp Cộp 461 ha, sản lượng 378 tấn, huyện Yên Châu 427ha, sản lượng 726 tấn.

Như vậy diện tích từ 2016 đến năm 2020 diện tích có chiều hướng ổn định, tập trung vào thâm canh tăng năng suất để sản xuất cà phê bền vững hơn

(có Phụ lục I chi tiết kèm theo).

2. Giống, kỹ thuật canh tác cây cà phê

a) Về giống cà phê

- Hệ thống sản xuất, cung ứng giống cà phê một phần do Công ty, tổ chức sản xuất, cung ứng, còn lại do các cá nhân, hộ nông dân sản xuất để tự nhân giống phục vụ nhu cầu sản xuất và trao đổi, mua bán giống với nhau trong cộng đồng. Trên địa bàn tỉnh có Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm nghiệp Tây Bắc trụ sở đặt tại xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thực hiện nhập nội, khảo nghiệm một số giống cà phê mới, nghiên cứu các biện pháp phát triển cà phê bền vững.

- Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; phương thức sản xuất giống cà phê chủ yếu được nhân giống từ hạt, một số cơ sở nhân giống cà phê bằng giâm hom, ghép nhưng quy mô còn nhỏ; ghép cải tạo cà phê đang thực hiện mô hình thí điểm chưa nhân rộng ra sản xuất đại trà.

- Về cơ cấu giống cà phê tại Sơn La chủ yếu là giống cà phê chè Catimor trồng thực sinh chưa được chọn lọc, một phần diện tích trồng từ năm 1990, biểu hiện già cỗi, quả nhỏ, năng suất, giá trị xuất khẩu chưa cao. Sơn La khảo nghiệm bộ giống cà phê chè có triển vọng, từng bước đưa vào trồng thử nghiệm diện rộng như giống: TN1, TN2, THA1, TN7, TN9 nhưng còn hạn chế...Ngoài bộ giống trên, hiện nay Sơn La đã nhập nội, khảo nghiệm và chọn tạo các giống cà phê Arabica mới có năng suất, chất lượng cao, thích nghi với điều kiện sinh thái của tỉnh.

b) Kỹ thuật canh tác

Người sản xuất cà phê tại Sơn La từng bước áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, thâm canh cà phê theo quy trình kỹ thuật đã được ban hành; Do điều kiện địa hình đồi núi dốc, cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi còn hạn chế, hầu hết diện tích cà phê trong vùng chủ yếu dựa vào nguồn nước mưa tự nhiên là chính, diện tích tưới nhỏ giọt đã và đang được đưa vào áp dụng cho cây cà phê nhưng diện tích còn nhỏ.

Việc trồng cây đai rừng, như đai rừng chính, đai phụ, cây che bóng, chắn gió lâu dài, cây che bóng, chắn gió tạm thời còn nhiều hạn chế, cần tiếp tục được triển khai để sản xuất cà phê thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Hiện tại, diện tích cà phê được trồng cây che bóng (trồng xen) khoảng trên 5.500 ha (chiếm gần 30%) diện tích cà phê toàn tỉnh, chủ yếu với cây mắc ca, muồng đen, keo dậu; cây ăn quả: Mận, nhãn, bơ, xoài,...) tăng thu nhập cho các hộ trồng xen từ cây ăn quả từ 30 - 50 triệu đồng/ha.

Kỹ thuật tạo hình như tạo hình cơ bản: Nuôi thân, hãm ngọn, cắt tỉa cành, cắt bỏ chồi vượt, trồng thay thế cây sinh trưởng kém bằng cây mới cũng còn hạn chế, ảnh hưởng một phần đến sinh trưởng của vườn cây.

Thu hoạch: trên địa bàn chủ yếu hái bằng tay tuốt chọn cành nhiều quả chín, tuy nhiên một số hộ thu hái vẫn còn hiện tượng tuốt lẫn quả xanh non ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cà phê. Kỹ thuật thu hoạch, dụng cụ thu hái, bảo quản cà phê quả tươi, phương tiện vận chuyển và bao bì phù hợp từng bước được các doanh nghiệp thu mua quả cà phê tươi trên địa bàn hướng dẫn người sản xuất thực hiện.

3. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và dịch vụ phục vụ sản xuất cà phê

- Ứng dụng sản xuất cà phê: Từ cuối tháng 10/2014 trên địa bàn tỉnh Sơn La đã triển khai thí điểm mô hình tưới nhỏ giọt theo công nghệ ISRAEL cho cây cà phê với diện tích 23 ha (43 hộ) tại huyện Mai Sơn, Thuận Châu, thành phố Sơn La, do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan, đến nay mô hình tưới nước tiết kiệm cho cà phê không còn áp dụng. Tháng 5/2020, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Nông lâm nghiệp Tây Bắc triển khai mô hình ghép tái canh cà phê với quy mô 2.000 gốc với 4 giống cà phê đưa vào ghép TN1, TN6, TN7 và TN9 hiện tại tỉ lệ sống đạt trên 90%, cây sinh trưởng, phát triển tốt, đang tiếp tục theo dõi, đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng các giống cà phê trên, để phục vụ tái canh cà phê.

- Về dịch vụ phục vụ sản xuất cà phê : Nhiều địa phương trên địa bàn đã hình thành hệ thống cung ứng dịch vụ vật tư nông nghiệp ở địa phương liên quan đến sản xuất cà phê: Các cửa phân phối cấp 2 và 3; Hội nông dân xã là đầu mối gắn kết giữa các hộ nông dân trồng cà phê. Hằng năm Hội nông dân xã chỉ đạo các Chi hội lập danh sách hộ có nhu cầu sử dụng phân bón với các công ty phân bón trên địa bàn, các công ty phân bón cung ứng hỗ trợ phân bón trả chậm cho các hộ nông dân.

4. Hiện trạng sản xuất cà phê an toàn và đặc sản

Triển khai nhanh, đồng bộ các quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất cà phê, hiện nay trên địa bàn tỉnh, diện tích cà phê được UTZ cấp chứng nhận 16.542,9 ha với 14.148 hộ dân và được cấp 2.934 ha sản xuất theo tiêu chuẩn 4C cho một số hộ sản xuất cà phê tại Sơn La về quy trình sản xuất cà phê đảm bảo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu sản phẩm cà phê; diện tích cà phê được cấp chứng nhận VietGAP 16 ha.

Đến năm 2020, diện tích cà phê sản xuất theo cà phê đặc sản đạt 20 ha, sản lượng 20 tấn cà phê nhân; xây dựng duy trì và phát triển chuỗi cung ứng cà phê an toàn với tổng diện tích 16 ha, sản lượng 132 tấn cà phê nhân/năm, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất cà phê.

Toàn tỉnh có 05 đơn vị tham gia: Công ty TNHH xuất nhập khẩu cà phê Minh Tiến - Chi nhánh Sơn La chế biến khoảng 200 tấn/năm; Công ty TNHH Cà phê Sơn La chế biến khoảng 13 tấn/năm; Công ty cổ phần cà phê Phúc Sinh Sơn La chế biến khoảng 400 tấn/năm; Hợp tác xã Bích Thao chế biến khoảng 10 tấn/năm; HTX Ara - Tay Coffee thu mua 30 tấn quả tươi/năm chế biến sâu cà phê đặc sản.

7.4. Cơ cấu sản phẩm cà phê

Cơ cấu sản phẩm chế biến cà phê Sơn La chủ yếu là cà phê nhân, trong đó xuất khẩu trên 95% còn khoảng 5% sản lượng cà phê nhân được chế biến thành cà phê xay, cà phê bột, cà phê hòa tan, cà phê túi lọc, trà vỏ cà phê tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

8. Xây dựng thương hiệu cà phê Sơn La

Từ năm 2017 sản phẩm cà phê Sơn La đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê Sơn La. Đến nay đã cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “cà phê Sơn La” cho 6 tổ chức: Công ty TNHH xuất nhập khẩu cà phê Minh Tiến - Chi nhánh Sơn La; Công ty TNHH Cà phê Sơn La; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cát Quế - chi nhánh Sơn La; Công ty cổ phần cà phê Phúc Sinh Sơn La; Hợp tác xã Bích Thao chế biến khoảng 4 tấn/năm; HTX Ara- Tay Coffee.

9. Tiêu thụ cà phê

Thị trường nội địa: tiêu thụ khoảng 500 tấn cà phê nhân/năm, chủ yếu chế biến cà phê rang, cà phê xay, cà phê bột, cà phê hòa tan, cà phê túi lọc, trà vỏ cà phê,...

Thị trường xuất khẩu: Năm 2020 xuất khẩu 26.500 tấn cà phê nhân, giá trị 67,760 triệu USD; so với năm 2019 xuất khẩu cà phê giảm 11,6 % về sản lượng, nhưng giá trị xuất khẩu tăng 7%; thị trường xuất khẩu sang Đức, Mỹ, Canada, Dubai, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu,....

10. Hiện trạng về chính sách của tỉnh cho phát triển cà phê

Trong thời gian vừa qua, tỉnh Sơn La đã có một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp nói chung và cà phê Sơn La nói riêng như:

Nghị quyết số 112/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2015-2020 (thay thế bằng Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND). Do đối tượng hỗ trợ của chính sách không phù hợp nên chính sách không thực hiện.

Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ phát triển cây trồng, vật nuôi, thủy sản và chế biến, tiêu thụ nông sản thực phẩm sạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2021 (thay thế bằng Nghị quyết 76/2018/NQ-HĐND). Do sản phẩm cà phê chủ yếu là xuất khẩu nên chính sách này cũng không triển khai thực hiện.

Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021 (thay thế bằng Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND).

Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Ngoài các chính sách hỗ trợ của tỉnh, các huyện Sốp Cộp hỗ trợ 1.270,3 triệu đồng giống, vật tư trồng mới cây cà phê; thành phố Sơn La hỗ trợ xây dựng nhà xưởng sơ chế cà phê 2.960 triệu đồng cho Hợp tác xã cà phê Bích Thao.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Phát triển cà phê trên địa bàn theo sản xuất hàng hoá gắn với công nghiệp chế biến, khai thác tốt tiềm năng lợi thế của tỉnh; đầu tư chiều sâu, gắn với thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế; được nhân dân chấp nhận và tiếp tục phát triển.

- Đã hình thành vùng nguyên liệu cây cà phê tập trung gắn với các cơ sở chế biến cà phê, đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu, được thị trường chấp nhận và đánh giá có chất lượng cao tương đương các nước trồng cà phê lớn trên thế giới.

- Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được nghiên cứu và áp dụng vào sản xuất như kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật ghép cải tạo, kỹ thuật tưới nước tiết kiệm, kỹ thuật tận dụng vỏ - quả cà phê chế biến phân hữu cơ sinh học; kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững, cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất và chế biến cà phê, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của ngành cà phê trên địa bàn Sơn La.

- Triển khai nhanh, đồng bộ các quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất cà phê như UTZ Certified, 4C, VietGAP cho cà phê Sơn La phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu quốc tế, thúc đẩy ngành cà phê Sơn La hội nhập nhanh thị trường trong nước và thế giới.

- Địa phương đã có chính sách kêu gọi đầu tư, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngoài nước về sản xuất, chứng nhận, chế biến, xuất khẩu cà phê hoạt động có hiệu quả tại Sơn La. Đã hình thành các nhà máy, cơ sở chế biến cà phê quả tươi, cà phê nhân, chế biến sâu phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần nâng cao giá trị sản xuất cà phê của tỉnh. Từng bước xây dựng được liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, kiểm soát chất lượng và thương mại cà phê tạo vùng sản xuất hàng hóa trên địa bàn. Góp phần nâng cao nhận thức cho người sản xuất, tạo cho sản phẩm cà phê Sơn La đa dạng, có thương hiệu và nâng cao giá trị gia tăng, bộ mặt nông thôn vùng sản xuất cà phê từng bước được cải thiện.

2. Hạn chế

Diện tích cà phê nông hộ phân tán, quy mô nhỏ do đặc điểm địa hình dốc, dẫn đến phát sinh chi phí khi áp dụng các quy trình sản xuất bền vững trong quá trình thực hiện tuân thủ điều kiện sản xuất cà phê được chứng nhận.

Biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, mùa mưa tập trung gây xói mòn rửa trôi đất làm giảm độ phì đất. Mùa khô gây hạn hán, rét đậm, rét hại, đặc biệt là sương muối ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất cây cà phê và đời sống của nhân dân.

Giống cà phê chủ yếu là giống Catimor trồng thực sinh chưa được chọn lọc, một phần diện tích trồng từ năm 1990, biểu hiện già cỗi, quả nhỏ, năng suất, chất lượng không cao, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất cà phê.

Việc hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất cà phê còn rất hạn chế (3 hợp tác xã) chưa phát huy được vai trò là đầu mối trong việc liên kết các thành viên trong tiêu thụ, xuất khẩu cà phê trên địa bàn tỉnh.

Mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, kiểm soát chất lượng và thương mại còn nhiều bất cập, nhất là mối liên kết trong phát triển vùng nguyên liệu. Hoạt động thu mua, sơ chế sản phẩm manh mún, tình trạng các hộ trồng cà phê tự xát quả tươi bằng máy công suất nhỏ và chưa thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, gây ô nhiễm môi trường, việc phơi sấy còn thủ công, khó kiểm soát chất lượng đã ảnh hưởng đến độ đồng đều và chất lượng cà phê. Chế biến sâu cà phê, nhằm nâng cao giá trị gia tăng còn rất khiêm tốn, đang là những trở ngại lớn trong phát triển cà phê bền vững tại Sơn La.

3. Nguyên nhân những hạn chế chính

Sản xuất cà phê chịu sự tác động lớn của điều kiện thời tiết khí hậu, giá cả vật tư đầu vào, thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó còn có nguyên nhân chủ quan làm hạn chế phát triển ngành cà phê:

3.1. Về nhận thức: Với quy mô sản xuất nhỏ trong ngành cà phê, nhưng chậm đổi mới tổ chức sản xuất và kinh doanh. Một số địa phương và người sản xuất vẫn tiếp tục mô hình phát triển theo chiều rộng như tăng nhanh diện tích, lạm dụng vật tư đầu vào trong sản xuất, chưa quan tâm đến nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

3.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng còn hạn chế: Chưa đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông và thủy lợi cho vùng định hướng phát triển cà phê tập trung, chi phí sản xuất còn cao, khó giảm giá thành để tăng khả năng cạnh tranh trong sản xuất cà phê. Việc hỗ trợ đầu tư và hướng dẫn xây dựng hệ thống chế biến, sân phơi, kho bảo quản cà phê cho nông hộ, HTX sản xuất, kinh doanh cà phê còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng cà phê.

3.3. Khoa học công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành: Nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ về cà phê chưa đồng bộ. Nhiều khâu như nhân giống cà phê; kỹ thuật tái canh chuyển đổi giống mới, tưới nước tiết kiệm; xử lý môi trường trong chế biến; thị trường tiêu thụ; tổ chức ngành hàng cà phê trên địa bàn chưa được quan tâm đúng mức.

3.4. Tổ chức sản xuất, chế biến cà phê chưa phù hợp

Mô hình sản xuất nông hộ vẫn là chủ đạo, vai trò của HTX, liên kết nông dân với doanh nghiệp dịch vụ đầu vào, ngân hàng, doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cà phê chưa có cơ chế liên kết hiệu quả.

Với các đơn vị chế biến sâu cà phê nhưng hàng năm mới đạt 2-3% sản lượng cà phê nhân, số lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cà phê chế biến sâu của doanh nghiệp và hợp tác xã trong tỉnh còn hạn chế.

3.5. Hệ thống thu mua, tiêu thụ sản phẩm chưa bền vững

- Thị trường cà phê nội địa chưa được coi trọng, chưa có định hướng và thu hút đầu tư đồng bộ từ chất lượng, thương hiệu và quảng bá sản phẩm, chưa có hương liệu trong xuất khẩu cà phê Sơn La.

- Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, nguồn lực đầu tư hạn chế, phân tán và thiếu cán bộ có năng lực thúc đẩy xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường.

Ba tác nhân chính ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của cà phê Sơn La: giá trị gia tăng chưa cao, chất lượng chưa ổn định và giao dịch uy tín còn hạn chế là những yếu điểm trong khi áp lực cạnh tranh tăng mạnh đối với ngành cà phê hiện nay.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÀ PHÊ GẮN VỚI CHẾ BIẾN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. DỰ BÁO CƠ HỘI THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CÀ PHÊ CỦA TỈNH

1. Dự báo cơ hội, thách thức phát triển cà phê Sơn La

1.1. Dự báo một số cơ hội

a) Về thị trường:

Theo đánh giá của Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO) tiêu thụ cà phê toàn cầu tăng liên tục trong vòng hơn 40 năm qua với tốc độ tăng bình quân 1,6 %/năm. Dự báo tiêu thụ cà phê toàn cầu đến sau 2020 tiếp tục tăng từ 1,5 - 2,5 %/năm.

Tác động của thời tiết và biến đổi khí hậu sẽ gây ra sự bất ổn về sản lượng cà phê của Brazil, nhất là tại các vùng trồng cà phê chủ chốt. Sản lượng cà phê của các nước sản xuất lớn như Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia sẽ không đủ để ổn định thị trường, vì vậy tồn kho cà phê toàn cầu sẽ giảm. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã mở ra thời cơ mới cho ngành hàng cà phê Việt Nam vào thị trường châu Âu (EU) với thuế suất 0%. Đồng thời, đây cũng là cơ hội để cà phê Việt Nam chuyển dịch mạnh mẽ từ lượng sang chất, tăng chế biến sâu, góp phần nâng cao chuỗi giá trị cà phê.

Thị trường trong nước: số người uống cà phê tăng, nhất là ở độ tuổi thanh niên và dân số sống ở đô thị, do vậy, thị trường cà phê trong nước sẽ tăng vào các năm tiếp theo. Theo Hiệp hội cà phê cao Việt Nam thì thị trường cà phê nội địa phát triển mạnh với sự có mặt của khoảng 30.000 quán cà phê trên cả nước, trong đó nhiều thương hiệu bán lẻ cà phê Việt được người tiêu dùng ưa thích là cơ sở để Sơn La vươn lên thành địa phương sản xuất với nhiều sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh.

b) Về sản xuất

- Sơn La đã hình thành vùng chuyên canh sản xuất cà phê hàng hoá có điều kiện tự nhiên thuận lợi tập trung, độ cao khá phù hợp trong thời gian tới tiếp tục phát triển cà phê đặc sản, cà phê chất lượng cao là tiền đề quan trọng để phát triển cà phê bền vững.

- Kết quả nghiên cứu về giống, tiến bộ kỹ thuật đã được ứng dụng vào sản xuất: bộ giống cà phê chè THA1, TN1, TN2,... có năng suất, chất lượng tốt, được công nhận, chuyển giao cho sản xuất. Một số tiến bộ kỹ thuật như kỹ thuật nhân giống, tái canh, ghép cải tạo, tưới nước tiết kiệm, trồng xen, canh tác cà phê bền vững đang được áp dụng làm tăng năng suất, góp phần giảm giá thành sản phẩm trong sản xuất cà phê.

- Nhiều mô hình tổ chức sản xuất và kinh doanh của nông hộ đã được hình thành và hoạt động có hiệu quả trên địa bàn. Một số mô hình sản xuất cà phê bền vững có truy nguyên nguồn gốc (theo tiêu chuẩn 4C, Chứng nhận Liên minh rừng nhiệt đới (RA), hữu cơ, cà phê đặc sản, VietGAP...) đã hình thành, từng bước nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu và bảo vệ môi trường.

- Tập trung rà soát chuyển đổi diện tích cà phê già cỗi, diện tích cà phê cho năng suất, chất lượng thấp, kém hiệu quả thực hiện tái canh cà phê bằng các giống cà phê mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp thị trường xuất khẩu; nâng cao giá trị cho sản xuất cà phê.

c) Về chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Các doanh nghiệp, hợp tác xã hiện đã có cơ sở chế biến tiếp tục đầu tư dây chuyền, thiết bị công nghệ cho các nhà máy chế biến cà phê; tiếp tục thu hút

các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở chế biến cà phê theo công nghệ hiện đại, đủ điều kiện tham gia chế biến, không gây ô nhiễm môi trường; xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, hợp tác liên kết tiêu thụ cà phê nhân xuất khẩu một cách hợp lý. Nâng cấp, mở rộng các kho bảo quản cà phê chủ động lưu trữ bảo quản cà phê cho các doanh nghiệp chủ động các đơn hàng, thời gian xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng kho nhằm tránh lãng phí vốn đầu tư...

Tập trung khai thác các thị trường xuất khẩu cà phê hiện có, giới thiệu, quảng bá mở rộng đối với các thị trường các nước có nhu cầu nhập khẩu cà phê; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước thông qua các sản phẩm cà phê được chứng nhận OCOP cấp tỉnh, cấp quốc gia.

d) Về chính sách

Nhiều cơ chế chính sách mới của Nhà nước tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường và khuyến khích người sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh cà phê đạt hiệu quả cao, bền vững hơn.

1.2. Khó khăn và thách thức

Về thị trường: Cà phê Sơn La có chất lượng chưa đồng đều, giao dịch ở thị trường cao cấp chưa nhiều, chủ yếu giao dịch ở thị trường trung bình cần chú ý các rào cản kỹ thuật về chất lượng và an toàn thực phẩm; giá cà phê không ổn định, cạnh tranh trong nước và trên thị trường quốc tế ngày càng mạnh mẽ.

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như trái với quy luật thông thường gây khó khăn cho sản xuất khó chủ động ứng phó. Nhất là địa bàn Sơn La, hiện nay diện tích cà phê không được tưới và chưa trồng cây che bóng là chủ yếu.

Nguồn lực đầu tư của nhà nước còn hạn chế, nguồn nhân lực của ngành cà phê trong các cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ trên địa bàn; trong các doanh nghiệp chế biến và thương mại còn hạn chế.

Các cơ sở chế biến nhỏ lẻ vẫn còn chiếm đến 50% sản lượng, chưa có giải pháp quản lý và xử lý chất thải của các cơ sở chế biến này là thách thức đến phát triển bền vững của ngành cà phê tỉnh Sơn La

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển cà phê theo cơ chế thị trường, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, ứng dụng nhanh thành tựu khoa học công nghệ mới về giống, công nghệ cao, công nghệ sinh học vào canh tác và thu hoạch.

Đổi mới phương thức tổ chức sản xuất trong ngành sản xuất, chế biến cà phê, tạo việc làm, thu nhập cho người dân theo hướng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ; người dân liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cà phê.

Phát triển cà phê theo hướng tập trung đầu tư thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ thông minh đạt các tiêu chuẩn quốc tế để tạo năng suất cao, chất lượng, hiệu quả tốt, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm cà phê trên thị trường; thực hiện tái canh bằng các giống cà phê mới có năng suất, chất lượng, phát triển sản xuất cà phê đặc sản, cà phê hữu cơ.

Phát triển công nghiệp chế biến cà phê, cơ cấu đa dạng các sản phẩm, chất lượng cao gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng; giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường.

Phát triển cà phê Sơn La phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và thúc đẩy chế biến sâu cũng như xây dựng thương hiệu và tìm đầu ra cho sản phẩm cà phê Sơn La. Đề án phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến và bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La phải gắn chặt với đề án quy hoạch vùng chế biến các sản phẩm nông sản của tỉnh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng ngành cà phê của tỉnh phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, phát triển bền vững, sản xuất cà phê đặc sản, cà phê hữu cơ và cà phê có chứng nhận theo tiêu chuẩn xuất khẩu, có tính cạnh tranh cao, gắn với phát huy lợi thế của địa phương, thị trường tiêu thụ, mang lại giá trị gia tăng cao, nâng tầm thương hiệu cà phê Sơn La.

Hình thành và phát triển các vùng cà phê chuyên canh, bền vững quy mô tập trung được sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, chế biến sâu; nâng cao thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển cà phê theo chuỗi cung ứng nông nghiệp xanh.

Cơ cấu lại hệ thống tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cà phê; khuyến khích các hình thức liên kết hợp tác, liên kết tổ chức sản xuất gắn với chế biến sâu, quản lý, phát triển bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Sơn La.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

2.1. Về sản xuất

Đến năm 2025 phát triển ổn định diện tích cà phê toàn tỉnh 17.000 ha; năng suất bình quân đạt từ 2,0 - 2,5 tấn cà phê nhân/ha; sản lượng cà phê nhân ước đạt 33.600 tấn.

Đưa một số giống cà phê mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị trường xuất khẩu để phục vụ ghép cải tạo, trồng tái canh cà phê đến năm 2025 với diện tích khoảng 8.000 ha.

Áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê theo các tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận/xác nhận như: Cà phê hữu cơ; RA, cà phê 4C và chứng nhận tương đương; sản xuất cà phê đặc sản,... theo yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới. Đến năm 2025 có khoảng 70- 90% diện tích cà phê cho thu hoạch sản phẩm được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận.

Duy trì và phát triển chỉ dẫn địa lý “cà phê Sơn La”; ổn định diện tích cà phê nằm trong vùng chỉ dẫn địa lý; nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý.

2.2. Về chế biến cà phê

Thu hút các nhà đầu tư tiềm năng trong sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê đầu tư nhà máy chế biến cà phê có quy mô lớn; đổi mới công nghệ, nâng cấp máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, chế biến, hệ thống xử lý nước thải, chất thải bảo đảm theo quy định; đến năm 2025 các cơ sở chế biến cà phê có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng chế biến cà phê và bảo vệ môi trường; chế biến sâu nâng cao giá trị sản xuất cà phê.

2.3. Về tổ chức sản xuất

Hình thành các tổ hợp tác, các hợp tác xã phát triển cây cà phê liên kết với các doanh nghiệp, công ty thu mua, chế biến quả tập trung để phát triển vùng nguyên liệu cà phê thông qua hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ, gắn với đầu tư nhà máy chế biến cà phê.

2.4. Về tiêu thụ

Đến năm 2025 dự kiến hàng năm xuất khẩu 25.000 - 30.000 tấn cà phê nhân sang thị trường Đức, Mỹ, Brazil, Hà Lan và các nước khu vực Nam Mỹ,... Tập trung tiêu thụ các sản phẩm cà phê tiêu dùng, cà phê chế biến sâu tại thị trường trong nước, trong tỉnh đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. Định hướng đến 2030

Phát triển cà phê theo hướng tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, đầu tư thâm canh bằng giống cà phê mới, gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường. Định hướng đến năm 2030 ổn định diện tích 16.000 ha; sản lượng cà phê nhân 35.000 tấn/năm; thực hiện tái canh đạt 9.800 ha; phát triển cà phê đặc sản 5.950 ha; phát triển vùng nguyên liệu cà phê đạt các tiêu chuẩn bền vững đạt khoảng 13.500 ha.

IV. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÀ PHÊ GẮN VỚI CHẾ BIẾN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Rà soát quy mô phát triển cà phê trên địa bàn tỉnh

a) Vùng phát triển trọng điểm cà phê

Phát triển ổn định diện tích cà phê hiện có, rà soát một số diện tích cà phê trồng trên đất có độ dốc quá lớn, diện tích sản xuất cà phê kém hiệu quả chuyển sang trồng cây khác; đến năm 2025 diện tích ổn định 17.000 ha; sản lượng cà phê nhân: 33.600 tấn; Định hướng đến năm 2030 diện tích cà phê toàn tỉnh ổn định 16.000 ha, sản lượng cà phê nhân: 35.000 tấn, tập trung chủ yếu trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Yên Châu, Sốp Cộp, Thuận Châu và thành phố Sơn La Định hướng đến năm 2030 diện tích cà phê toàn tỉnh ổn định 15.000 ha.

(Có Phụ lục II chi tiết kèm theo).

b) Phát triển vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến

Tập trung ứng dụng công nghệ cao, đầu tư thâm canh, sử dụng giống cà phê mới năng suất, chất lượng cao phát triển sản xuất vùng nguyên liệu cà phê đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy, cơ sở chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La. Đến năm 2025 diện tích vùng nguyên liệu cà phê 15.000 ha, sản lượng 30.000 tấn cà phê nhân; định hướng đến năm 2030 diện tích: 14.000 ha, sản lượng cà phê nhân: 32.000 tấn.

(Có Phụ lục III chi tiết kèm theo).

2. Tái canh cây cà phê

Rà soát diện tích cà phê già cỗi thuộc vùng định hướng phát triển cà phê, điều kiện áp dụng biện pháp tái canh và ghép cải tạo cà phê, để xây dựng kế hoạch, lộ trình, tổ chức thực hiện và dự kiến nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tái canh cà phê. Đến năm 2025 tái canh bằng biện pháp trồng tái canh, ghép cải tạo, đốn cải tạo, khoảng 8.000 ha, tập trung tại các huyện Mai Sơn, Thuận Châu và thành phố Sơn La, sử dụng bằng các giống mới có năng suất chất lượng cao, phù hợp thị trường tiêu thụ đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận như sau:

a) Trồng tái canh cà phê

Trồng tái canh đối với các vườn cà phê trên 20 năm tuổi, cây sinh trưởng kém, năng suất bình quân 3 năm liền dưới 1,0 tấn nhân/ha/năm, không thích hợp áp dụng biện pháp cưa đốn phục hồi hoặc ghép cải tạo.

Trồng tái canh đối với vườn cà phê dưới 20 năm tuổi trong giai đoạn kinh doanh, cây sinh trưởng kém, năng suất bình quân 3 năm liền dưới 1,2 tấn nhân/ha/năm; chăm sóc, bón phân không hiệu quả, không thích hợp áp dụng biện pháp cưa đốn phục hồi hoặc ghép cải tạo.

b) Ghép cải tạo

Ghép cải tạo đối với vườn cà phê dưới 20 năm tuổi sinh trưởng tốt nhưng bị ảnh hưởng sương muối phải cưa đốn, sau đó có thể ghép cải tạo bằng một số giống cà phê mới có năng suất, chất lượng cao hơn.

Ghép cải tạo đối với vườn cà phê dưới 20 năm tuổi, nhưng cây sinh trưởng bình thường cho quả ít, quả nhỏ, không đồng đều có thể ghép cải tạo bằng một số giống cà phê mới có năng suất, chất lượng cao hơn.

Vật liệu nhân giống (cành ghép, mắt ghép) phải có nguồn gốc rõ ràng được lấy từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được cấp có thẩm quyền công nhận.

c) Cơ cấu giống cà phê chè

- Giống Catimor là dòng thuần, nhân giống bằng hạt;
- Giống THA1: Giống lai đã tạo dòng thuần, nhân giống bằng hạt;
- Giống TN1, TN2,... là các giống lai F1, nhân giống bằng phương pháp vô tính.

(Có Phụ lục IV chi tiết kèm theo).

3. Phát triển cà phê đặc sản Sơn La

Phát triển cà phê đặc sản sẽ phát triển trên vùng sản xuất cà phê hiện có và được phát triển trên những vùng đất có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tối ưu để đem lại chất lượng cà phê tốt nhất. Phát triển cà phê đặc sản phải gắn liền với phát triển cà phê chất lượng cao và bảo vệ môi trường.

Phát triển cà phê đặc sản tại các khu vực có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tối ưu cho sự phát triển của cây cà phê. Tập trung đầu tư phát triển cà phê đặc sản tại địa bàn 11 xã thuộc 4 huyện, thành phố là TP. Sơn La, huyện Thuận Châu, Mai Sơn và Sốp Cộp với tổng diện tích trồng cà phê đặc sản đến năm 2025 đạt 3.900 ha với tổng sản lượng đạt 6.686 tấn, trong đó sản phẩm cà phê đạt tiêu chuẩn đặc sản đạt trên 1.300 tấn. Đến năm 2030 diện tích cà phê đặc sản tăng lên gần 6.000 ha với tổng sản lượng hơn 11.000 tấn, trong đó sản phẩm cà phê đạt tiêu chuẩn đặc sản đạt trên 2.800 tấn.

(Có Phụ lục V chi tiết kèm theo).

4. Trồng cây che bóng, trồng xen cho cà phê

Đối với cà phê trong vườn hộ gia đình, có thể sử dụng một số loại cây ăn quả như bơ, macca, hồng, nhãn, xoài, mận, cây keo dậu (*Leucaena leucocephala*), cây muồng lá nhọn (*Cassipouira*),... tùy vào đặc thù từng vùng để trồng xen hoặc trồng xung quanh vườn, đồng thời làm cây che bóng cho cà phê phát triển đến năm 2025 có khoảng 70% diện tích cà phê được trồng xen, trồng cây che bóng bảo đảm theo quy định.

5. Áp dụng tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững được chứng nhận

Tập trung phát triển vùng nguyên liệu cà phê đạt các tiêu chuẩn bền vững bảo đảm chất lượng cà phê và quá trình sản xuất đã được đánh giá là tuân thủ những yêu cầu theo bộ tiêu chuẩn do cơ quan sở hữu chứng nhận: RA, 4C, cà phê hữu cơ và chứng nhận tương đương... Đến năm 2025, tổng diện tích cà phê 15.500 ha, sản lượng 31.000 tấn cà phê nhân được các tổ chức chứng nhận/xác nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững phục vụ xuất khẩu.

(Có Phụ lục VI chi tiết kèm theo).

6. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến cà phê

a) Về sản xuất giống cà phê

Ứng công nghệ cao trong nhân giống cà phê vô tính với ghép gốc ghép kháng tuyến trùng kháng bệnh kết hợp giâm hom và nhân giống thực sinh đối với giống thuần lựa chọn hạt cà phê đủ tiêu chuẩn theo quy định. Đến năm 2025, có 80% giống cà phê được sản xuất bằng ứng dụng công nghệ cao; 100% giống cà phê đưa vào trồng rõ nguồn gốc, đảm bảo tiêu chuẩn cây giống theo quy định.

b) Về sản xuất cà phê

Thực hiện hệ thống tưới phun mưa, tưới nước tiết kiệm, tưới nước nhỏ giọt kết hợp với bón phân qua nước cho cây cà phê; sử dụng phân bón sinh học cho cà phê; ứng dụng GIS/GPS trong quản lý dinh dưỡng cho cây cà phê.

c) Ứng dụng cơ giới hóa các khâu làm đất trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển cà phê; nhất là công nghệ tiên tiến trong hoạt động chế biến và bảo quản cà phê.

7. Tổ chức liên kết sản xuất

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Hội cà phê tỉnh Sơn La là đầu mối kết nối các tác nhân trong ngành hàng cà phê Sơn La.

- Hợp tác liên kết đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cà phê, giữa các hộ trồng cà phê với các doanh nghiệp, hợp tác xã; Đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm cà phê thông qua hợp đồng tiêu thụ, từng bước hình thành các chuỗi sản xuất quả bền vững.

- Thành lập các Liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác trong phát triển sản xuất, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh; Củng cố liên kết sản xuất giữa công ty, doanh nghiệp với các hộ trồng cà phê đã được cấp chứng nhận 4C, RA, VietGAP, hữu cơ, đặc sản, phát triển cà phê bền vững theo chuỗi giá trị.

- Doanh nghiệp xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản lượng cà phê, thực hiện truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, tạo thị trường tiêu thụ bền vững.

8. Chế biến cà phê

Cơ cấu lại các cơ sở chế biến, nhà máy hiện có kém hiệu quả, từng bước giải quyết các cơ sở xát vỏ cà phê có quy mô nhỏ, máy móc thiết bị lạc hậu, sử dụng nhiều nước, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở chế biến hiện có đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng chế biến sản phẩm cà phê; đầu tư hệ thống xử lý nước thải, chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả các sản phẩm phụ để sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ phát triển cây trồng.

Thu hút các nhà đầu tư tiềm năng có kinh nghiệm trong sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê đầu tư mới một số nhà máy chế biến cà phê có quy mô trên 200 tấn quả tươi/ngày đảm bảo chế biến 100.000 tấn quả/năm gắn với chế biến sâu cà phê, bố trí tại các khu công nghiệp Mai Sơn; khu nằm ngoài vùng hành lang bảo vệ nguồn nước hang Tát Tòng, suối Nậm La các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, thành phố Sơn La.

Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ chế biến cà phê quả tươi tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được chế biến trên 90%, trong đó quy mô công nghiệp bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại đạt trên 70% có đầu tư hệ thống xử lý nước thải, chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; 10% sản lượng cà phê nhân được chế biến sâu, chế biến cà phê tiêu dùng với các sản phẩm cà phê bột, cà phê hòa tan, các loại cà phê khác biệt khác theo thị hiếu của thị trường.

Các cơ sở, các hộ dân sử dụng phương pháp chế biến khô (gọi là chế biến không rửa, chế biến tự nhiên); chế biến bán khô (gọi là chế biến tự nhiên xát quả tươi, chế biến cà phê mật ong) cho sản lượng cà phê quả còn lại, được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đảm bảo chất lượng sản phẩm.

9. Tiêu thụ cà phê

Quan tâm, chú trọng đến sử dụng mẫu mã, bao bì, nhãn mác để bảo vệ, mô tả, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Thị trường trong nước: Tăng cường chế biến sâu, đa dạng các loại sản phẩm cà phê rang xay, chế biến cà phê đặc sản để phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng cho thị trường tiêu thụ nội địa.

Thị trường xuất khẩu: Tập trung áp dụng sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững được chứng nhận phục vụ nhu cầu xuất khẩu sang các thị trường nhập khẩu, các thị trường truyền thống như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, ... và tìm kiếm, mở rộng thị trường sang một số nước tiềm năng, nhu cầu nhập khẩu cà phê.

V. CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Các chương trình, dự án do tỉnh quản lý

- Dự án thử nghiệm trồng tái canh, ghép cải tạo, đốn cải tạo cà phê triển khai tại 05 huyện, thành phố gồm huyện Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La.

- Dự án khảo nghiệm, thử nghiệm một số giống cà phê mới năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện của vùng trồng cà phê.

- Chương trình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cà phê Sơn La triển khai tại 05 huyện, thành phố, gồm huyện Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La.

- Dự án, đề tài, đề án nghiên cứu khoa học về lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê triển khai tại 05 huyện, thành phố gồm huyện Yên Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La.

- Chương trình, dự án hỗ trợ chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững được chứng nhận 4C, RA, VietGAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

- Dự án quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cà phê.

- Chương trình, dự án phát triển cơ sở hoặc nhà máy chế biến tập trung; các cơ sở bảo quản cà phê.

2. Chương trình, dự án kêu gọi đầu tư *(không sử dụng vốn ngân sách nhà nước)*

- Dự án xây dựng hệ thống vườn đầu dòng, vườn ươm giống cây cà phê đáp ứng cho nhu cầu trồng mới, trồng tái canh cà phê triển khai các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La

- Dự án trồng tái canh, ghép cải tạo, đốn cải tạo triển khai tại các huyện: Mai Sơn, Thuận Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La

- Dự án thâm canh cà phê bền vững theo tiêu chuẩn 4C, RA, cà phê đặc sản... tại vùng trồng cà phê trong tỉnh.

- Dự án xây dựng các nhà máy chế biến cà phê công nghiệp quy mô lớn tại khu công nghiệp Mai Sơn, khu nằm ngoài vùng hành lang bảo vệ nguồn nước hang Tát Tòng, suối Nậm La các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, Thành phố Sơn La.

- Dự án xây dựng nhà máy, cơ sở chế biến phụ phẩm cà phê để sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất cà phê.

- Chương trình, dự án sản xuất cà phê hữu cơ, sản xuất cà phê đặc sản.

3. Khái toán kinh phí thực hiện Đề án

Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Đề án cho cả giai đoạn 2021 - 2030: 1.800 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: 300 tỷ đồng theo các chính sách của trung ương, tinh hỗ trợ nghiên cứu giống, sản xuất, chế biến, bảo quản và quảng bá tiêu thụ sản phẩm cà phê.

- Nguồn vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, vốn vay của các tổ chức tín dụng, hộ gia đình, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác: 1.500 tỷ đồng về đầu tư thâm canh phát triển vùng nguyên liệu, cơ sở, nhà máy chế biến, bảo quản cà phê.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Xác định vùng sản xuất cà phê

Tập trung phát triển ổn định vùng cà phê hiện có, tái canh và ghép cải tạo các vườn cà phê già cỗi, hiệu quả thấp; phát triển sản xuất cà phê hàng hóa, quy mô lớn, phát triển ứng dụng công nghệ cao; vùng sản xuất cà phê đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất cà phê bền vững được chứng nhận (4C, RA,...) và chứng nhận tương đương... gắn với nhà máy chế biến cà phê phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng cà phê kém hiệu quả, đất có độ dốc quá lớn sang đất trồng các loại cây khác hiệu quả hơn.

Tập trung phân loại, xác định diện tích cà phê phát triển thâm canh bền vững, diện tích trồng tái canh, diện tích cà phê ghép cải tạo, đồn cải tạo; diện tích phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đưa vào khảo nghiệm, thử nghiệm một số giống cà phê năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện của Sơn La cho năng suất, chất lượng tốt để thay thế dần giống cà phê hiệu quả thấp. Chuẩn bị tốt nguồn giống cà phê đảm bảo chất lượng cho trồng mới, trồng tái canh đảm bảo hiệu quả. Thực hiện đúng quy trình thâm canh, tái canh phát triển cà phê theo hướng bền vững, an toàn, hiệu quả.

- Tiếp tục nghiên cứu lựa chọn một số cây trồng xen, cây che bóng cho vườn phù hợp với mật độ, loại cây trồng ít cạnh tranh dinh dưỡng, nước tưới với cây cà phê mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu làm đất trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển cà phê; nghiên cứu công nghệ và thiết kế chế tạo các dây chuyền thiết bị chế biến đa dạng sản phẩm cà phê phục vụ xuất khẩu. Ưu tiên nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong hoạt động chế biến và bảo quản cà phê.

- Nghiên cứu phát triển thị trường cà phê tiêu thụ trong nước, dự báo thị trường nước ngoài để định hướng cho người sản xuất và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông đối với lĩnh vực trồng tái canh, tưới nước tiết kiệm, cơ giới hóa một số khâu chăm sóc, thu hái và chế biến cà phê, nhất là khâu chế biến cà phê nông hộ.

- Chuyển giao và ứng dụng kỹ thuật canh tác trên đất dốc, chống xói mòn, rửa trôi và bảo vệ đất cho người sản xuất cà phê, ứng dụng khoa học công nghệ để xử lý ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, chế biến cà phê và các chế phẩm sinh học vào xử lý vỏ bã cà phê làm phân bón và cải tạo đất.

3. Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Triển khai có hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để tăng cường liên kết giữa các bên tham gia, nhất là giữa doanh nghiệp chế biến với người nông dân và hợp tác xã.

- Tập trung xây dựng các vùng sản xuất nông sản tập trung đồng bộ với quy hoạch mạng lưới các nhà máy chế biến; ưu tiên bố trí đất đủ lớn phù hợp để thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy, cơ sở chế biến cà phê.

- Mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát vùng trồng cà phê dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh truyền thông để gắn kết 4 nhà: Nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nước với mục đích khi nông dân muốn tăng quy mô sản xuất, có đầu ra, thị trường ổn định.

- Thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác và các liên minh sản xuất cà phê bền vững; hình thành mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, kiểm soát chất lượng cà phê. Củng cố và xây dựng mới các liên minh sản xuất cà phê bền vững thông qua hợp đồng liên kết sản xuất. Phát triển kinh tế hợp tác xã để liên kết đầu tư, kinh doanh đồng thời có thể giám sát sản xuất, chất lượng của cà phê.

- Tăng cường năng lực và hoạt động của Hiệp hội cà phê Sơn La, là nòng cốt tổ chức xây dựng liên kết dọc, liên kết ngang các tác nhân trong ngành hàng cà phê, để Hiệp hội thực sự là tổ chức đại diện cho lợi ích của ngành cà phê tỉnh Sơn La.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm cà phê. Mở rộng diện tích áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo chuẩn sản xuất cà phê bền vững được chứng nhận (4C, RA,...) và các chứng nhận tương đương.

4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo ngắn hạn và khuyến nông nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại,... để tự xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch sản xuất và quản lý sản xuất, quản lý hoạt động các hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp thu những tiến bộ khoa học mới trong phát triển vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh; Xây dựng được lực lượng cán bộ kỹ thuật để hướng dẫn nông dân sản xuất theo đúng quy trình, các tiêu chuẩn được cấp chứng nhận sản xuất cà phê bền vững.

5. Giải pháp về vốn

- Lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình khuyến nông, chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào phát triển nông nghiệp,... để phục vụ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm bố trí ngân sách để tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, xây dựng các mô hình sản xuất phục vụ phát triển cây cà phê trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phát triển vùng nguyên liệu bền vững, các cơ sở chế biến cà phê trên địa bàn.

6. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện có của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương và chính sách của tỉnh về hỗ trợ, khuyến khích trồng, thâm canh, phát triển vùng nguyên liệu cà phê của tỉnh theo hướng bền vững.

- Nghiên cứu ban hành mới các chính sách hỗ trợ trồng, thâm canh, hệ thống tưới, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu cà phê.

- Thu hút phát triển các cơ sở chế biến tập trung quy mô công nghiệp đảm bảo việc chế biến nguyên liệu cà phê bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chính sách như các chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa ứng dụng công nghệ cao tập trung; hỗ trợ phát triển vùng trồng cây cà phê áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tái canh cà phê; cà phê đặc sản; phát triển bền vững, xuất khẩu cà phê.

7. Xúc tiến thương mại

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng tem, nhãn mác hàng hóa có chỉ dẫn địa lý cà phê Sơn La gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng theo chuỗi và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia chế biến cà phê trong và ngoài nước đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sâu các sản phẩm cà phê trên địa bàn tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu.

- Hàng năm tham gia hội chợ, tổ chức lễ hội, hội thi cà phê gắn với các sự kiện của tỉnh để quảng bá sản phẩm cà phê Sơn La.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển bền vững các vùng nguyên liệu, thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với người sản xuất, tạo nguồn hàng ổn định cho chế biến và xuất khẩu cà phê.

VII . TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung có liên quan theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Hướng dẫn các huyện, thành phố rà soát diện tích, thực hiện tái canh, ghép cải tạo, đốn cải tạo bằng giống cà phê mới có năng suất, chất lượng cao trên diện tích cà phê hiện có theo đúng chủ trương, định hướng, kế hoạch phát triển của Bộ Nông nghiệp và PTNT, của tỉnh đảm bảo việc sản xuất, chế biến, tiêu thụ nâng cao hiệu quả, bền vững cây cà phê.

Hướng dẫn các huyện, thành phố áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), chứng nhận 4C, RA và các chứng nhận tương đương, cà phê đặc sản, sản xuất theo hướng hữu cơ,... đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng, tổ chức thẩm định, công nhận, quản lý khai thác cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cà phê phục vụ nhân giống theo quy định.

Tiếp tục hướng dẫn các huyện, thành phố ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, đầu tư thâm canh cao, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đối với sản xuất cà phê nâng cao hiệu quả sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu, đề xuất các chính sách phù hợp cho thực hiện tái canh, ghép cải tạo, đốn cải tạo phát triển sản xuất nguyên liệu cho các nhà máy chế biến cà phê trên địa bàn.

2. Sở Công thương

- Chủ trì thực hiện việc quản lý chương trình, dự án phát triển ngành công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp chế biến, các nhà máy, cơ sở chế biến cà phê xuất khẩu phù hợp với quy hoạch phát triển cơ sở chế biến và vùng nguyên liệu trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch Đầu tư thu hút các doanh nghiệp đầu tư các nhà máy chế biến, bảo quản cà phê để nâng cao giá trị sản phẩm để tham gia xuất khẩu.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ các nhà máy, cơ sở chế biến xuất khẩu quảng bá, kết nối với các đơn vị xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu sản phẩm cà phê.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực sản xuất, bảo quản, chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Hướng dẫn đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị mới tiên tiến trong chế biến, phát triển vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan duy trì và phát triển chỉ dẫn địa lý “cà phê Sơn La”; quảng bá, giới thiệu, đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý; thẩm định và cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các doanh nghiệp, hợp tác xã.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu công tác quy hoạch phát triển chung của tỉnh gắn với vùng nguyên liệu, công nghiệp chế biến, khu, cụm công nghiệp và kết cấu hạ tầng đồng bộ cho sản xuất, chế biến cà phê.

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; thu hút các doanh nghiệp, công ty đầu tư vào lĩnh vực chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu cà phê trên địa bàn

5. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh lồng ghép các nguồn vốn thực hiện cho các chính sách hỗ trợ, dự án đầu tư, các chương trình khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại từ nguồn ngân sách nhà nước.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với các dự án phát triển vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến cà phê. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

7. Ủy ban nhân dân các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Yên Châu, Sốp Cộp và thành phố Sơn La

Tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Tập trung rà soát, thống kê diện tích cây cà phê cần thực hiện tái canh, ghép cải tạo, đốn cải tạo bằng giống cà phê mới có năng suất, chất lượng cao theo đúng chủ trương, định hướng, kế hoạch phát triển của tỉnh, tránh tình trạng phát triển ồ ạt, tự phát theo phong trào ảnh hưởng đến việc tiêu thụ và hiệu quả sản xuất.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng bằng các hình thức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với diện tích trồng cà phê trên đất có độ dốc lớn; trồng tái canh thay thế đối với diện tích già cỗi không thể ghép cải tạo, ghép cải tạo bằng các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao gắn với thị trường tiêu thụ, chế biến, xuất khẩu nhằm khai thác phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên của địa phương.

Giống cây cà phê đưa vào trồng mới phải đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, rõ nguồn gốc; cây, vườn cây cung cấp vật liệu phục vụ nhân giống vô tính đối với cây cà phê phải được cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo quy định.

Tuyên truyền vận động nông dân tự nguyện tham gia các hình thức hợp tác liên kết, liên kết sản xuất, tiêu thụ cà phê với Doanh nghiệp, Hợp tác xã; đẩy mạnh tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh, thị trường xuất khẩu cà phê.

Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị cà phê; hướng dẫn, vận động các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), chứng nhận 4C, RA và các chứng nhận tương đương, sản xuất theo hướng hữu cơ, cà phê đặc sản,... đảm bảo sản phẩm cà phê đáp ứng yêu cầu chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, đầu tư thâm canh cao, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đối với cây trồng như: sử dụng phân hữu cơ sinh học, tưới tiết kiệm nước,... nâng cao hiệu quả sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia các hội chợ,... giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông sản đến với người tiêu dùng tại thị trường nội tiêu trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên trong việc chế biến cà phê trên địa bàn theo đúng quy định. Bố trí diện tích đất thu hút các nhà đầu tư xây dựng cơ sở chế biến cà phê tại khu công nghiệp, khu nằm ngoài vùng hành lang bảo vệ nguồn nước hang Tát Tòng, suối Nậm La các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, thành phố Sơn La.

8. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, chế biến cà phê

Thực hiện liên kết phát triển bền vững các vùng nguyên liệu với người sản xuất theo đúng chủ trương, định hướng, kế hoạch phát triển của tỉnh đảm bảo nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững cây cà phê.

Đối với các cơ sở chế biến cà phê quy mô tập trung tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường, thực hiện thu gom, xử lý chất thải cà phê đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra môi trường theo đúng quy định. /.

Phụ lục I

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG CÂY CÀ PHÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng số	T.Phố Sơn La	Quỳnh Nhai	Thuận Châu	Mường La	Bắc Yên	Phù Yên	Mộc Châu	Yên Châu	Mai Sơn	Sông Mã	Sốp Cộp	Vân Hồ
1	Năm 2016														
	Diện tích	Ha	12.039	4.232	36	3.280	4	1		1	304	3.858	19	304	
	DT cho sản phẩm	Ha	9.055	3.993	29	2.384	4			1	79	2.451	15	99	
	Sản lượng cà phê nhân	Tấn	10.334	6.261	20	2.551	3			1		1.292	8	198	
2	Năm 2017														
	Diện tích	Ha	17.600	5.590	198	4.943	17	1	2	6	208	6.353	70	200	12
	DT cho sản phẩm	Ha	14.781	5.528	55	3.573	8	1	1	6	123	5.316	39	126	5
	Sản lượng cà phê nhân	Tấn	22.766	11.100	39	3.828	6	1	1	4	211	7.240	78	252	6
3	Năm 2018														
	Diện tích	Ha	17.128	4.680	139	5.257	5	1			373	6.252	64	347	10
	DT cho sản phẩm	Ha	14.573	4.525	50	3.732	5	1			226	5.872	32	126	4
	Sản lượng cà phê nhân	Tấn	22.611	9.404	39	3.788	4	1			559	8.544	42	225	5
4	Năm 2019		-												
	Diện tích	Ha	17.840	4.910	198	5.423	6	1	3		425	6.330	72	461	11
	DT cho sản phẩm	Ha	15.181	4.826	162	3.880	5	1			273	5.712	41	274	7
	Sản lượng cà phê nhân	Tấn	25.518	8.905	186	4.148	6	1			687	11.140	60	375	10
5	Năm 2020														
	Diện tích	Ha	17.804	4.908	242	5.538	8	1	8	0	427	6.130	70	461	11
	DT cho sản phẩm	Ha	15.346	4.860	178	4.203	5	1	0	0	276	5.496	46	274	7
	Sản lượng cà phê nhân	Tấn	27.581	8.970	204	3.270	6	1	0	0	726	13.950	65	378	11

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SẢN XUẤT CÀ PHÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030

(Ban hành kèm theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La)

TT	Huyện, thành phố	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Định hướng 2030		Địa bàn thực hiện (xã, phường, thị trấn)
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	
Tổng		17.420	29.881	17.380	32.000	17.360	32.000	17.000	33.000	17.000	33.600	16.000	35.000	
1	TP Sơn La	4.880	8.371	4.870	8.966	4.870	8.976	4.820	9.356	4.820	9.527	4.600	10.580	Chiềng Cọ, Chiềng Đen, Hua La, Chiềng Ngân, Chiềng Xôm, Chiềng An, Chiềng Cói, Chiềng Sinh
2	Thuận Châu	5.400	9.262	5.390	9.924	5.380	9.918	5.215	10.123	5.215	10.307	5.100	10.200	Mường É, Phông Lái, Chiềng Pha, Chiềng Ly, Thôm Môn, Tông Lạnh, Chiềng Pác, Bon Phặng, Muội Nội, Chiềng Bôm, Tông Cọ, Nong Lay, Chiềng Ngâm, Chiềng La, Bó Mười, Mường Khiêng, Mường Bám, Phông Lãng, Bản Lầm, Nậm Lâu, Phông Lập, Púng Tra
3	Mai Sơn	6.280	10.772	6.270	11.544	6.260	11.540	6.160	11.958	6.160	12.175	5.700	13.110	Mường Bằng, Mường Chanh, Chiềng Ban, Chiềng Mung, Chiềng Chung, Chiềng Mai, Chiềng Nọi, Phiềng Cầm, Chiềng Dong, Chiềng Kheo, Chiềng Ve, Nà Ót, Mường Bon, Cò Nòi, Hát Lót, Nà Bó, Chiềng Chấn, Chiềng Lương, Phiềng Păn và Thị trấn hát Lót
4	Yên Châu	410	704	405	746	405	746	380	738	380	751	200	350	Yên Sơn, Lóng Phiềng, Phiềng Khoài, Chiềng On
5	Sốp Cộp	450	772	445	820	445	820	425	825	425	840	400	760	Púng Bánh, Sốp Cộp, Dòm Cang, Mường Và, Mường Lạn, Nậm Lạnh

Phụ lục III

PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU PHỤC VỤ CÁC CƠ SỞ CHẾ BIẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030

(Ban hành kèm theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La)

TT	Huyện, thành phố	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Định hướng đến năm 2030		Địa bàn thực hiện (các xã, phường, thị trấn)
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	
Tổng		16.970	29.356	16.750	30.988	16.625	31.577	16.000	32.000	15.000	30.000	14.000	32.000	
1	TP Sơn La	4.760	8.300	4.710	8.714	4.695	8.921	4.580	9.160	4.270	8.540	4.000	10.000	Chiềng Cọ, Chiềng Đen, Chiềng Ngần, Chiềng Xôm, Hua La, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh
2	Thuận Châu	5.250	9.000	5.200	9.620	5.150	9.785	4.940	9.880	4.430	8.860	4.400	9.500	Mường É, Phông Lái, Chiềng Pha, Chiềng Ly, Thóm Mòn, Tông Lạnh, Chiềng Pắc, Bon Phặng, Muối Nội, Chiềng Bôm, Tông Cọ, Nong Lay, Chiềng Ngâm, Chiềng La, Bó Mười, Mường Khiêng, Mường Bám, Phông Lãng, Bàn Lầm, Nậm Lâu, Phông Lập, Púng Tra
3	Mai Sơn	6.100	10.580	6.000	11.100	5.950	11.305	5.690	11.380	5.550	11.100	5.000	11.500	Các xã: Mường Bằng, Mường Chanh, Chiềng Ban, Chiềng Mung, Chiềng Chung, Chiềng Mai, Chiềng Nọi, Phiềng Cầm, Chiềng Dong, Chiềng Kheo, Chiềng Ve, Nà Ót, Mường Bon, Cò Nòi, Hát Lót, Nà Bó, Chiềng Chân, Chiềng Lương, Phiềng Pán và Thị trấn Hát Lót
4	Yên Châu	410	704	400	740	395	746	365	730	350	700	200	300	Yên Sơn, Lóng Phiêng, Phiềng Khoài, Chiềng On
5	Sốp Cộp	450	772	440	814	435	820	425	850	400	800	400	700	Púng Bánh, Sốp Cộp, Dầm Cang, Mường Vả, Mường Lạn, Nậm Lạnh

Phụ lục IV

PHÁT TRIỂN TÁI CANH CÂY CÀ PHÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030

(Ban hành kèm theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La)

TT	Huyện, thành phố	Trồng tái canh cây cà phê giai đoạn 2021 - 2025												Định hướng đến năm 2030		Địa bàn thực hiện (các xã, phường, thị trấn)	Ghi chú
		Tổng số		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)		
		Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)	Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)	Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)	Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)	Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)	Trồng tái canh (ha)	Cải tạo, ghép tái canh (ha)				
	Tổng	3.540	4.460	480	590	750	980	870	1.025	900	1.145	540	720	4.405	5.400		
1	TP Sơn La	1.150	1.350	150	190	250	300	300	310	300	350	150	200	1350	1650	Chiềng Cọ, Chiềng Đen, Chiềng Ngần, Hua La, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh	
2	Thuận Châu	1.250	1.550	180	200	250	350	320	350	300	400	200	250	1500	1780	Phông Lái, Mường É, Chiềng Pha, Phông Lập, Chiềng Ly, Chiềng Bôm, Thôm Mòn, Tông Lạnh, Tông Cọ, Bó Mười, Púng Tra, Chiềng Pắc, Nậm Lâu, Bon Phặng, Muội Nội, Bản Lầm	
3	Mai Sơn	1.140	1.500	150	190	250	320	250	350	300	380	190	260	1540	1950	Mường Bằng, Mường Chanh, Chiềng Ban, Chiềng Mung, Chiềng Chung, Chiềng Mai, Chiềng Nọi, Phiêng Cầm, Chiềng Dong, Chiềng Kheo, Chiềng Ve, Nà Ót	
4	Yên Châu	0	35		5		5		10		10		5	10	10	Yên Sơn, Lóng Phiêng, Phiêng Khoài	
5	Sốp Cộp	0	25		5		5		5		5		5	5	10	Púng Bánh, Sốp Cộp, Dôm Cang, Mường Và	

Phụ lục V

VÙNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ ĐẶC SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030

(Ban hành kèm theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La)

STT	Huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2025					Định hướng đến năm 2030					Địa bàn các xã thực hiện
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)				Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)				
			Tổng	Đặc sản	Chất lượng cao	Thương mại		Tổng	Đặc sản	Chất lượng cao	Thương mại	
	Tổng	3.900	6.686	1.337	2.674	2.675	5.950	11.213	2.805	5.609	2.799	
1	TP Sơn La	2.000	3.770	754	1.508	1.508	3.200	6.620	1.656	3.310	1.654	Hua La, Chiềng Đen, Chiềng Cọ
2	Thuận Châu	400	530	106	212	212	600	855	214	428	213	Phông Lái, Chiềng Pha
3	Mai Sơn	1.350	2.161	432	864	865	1.950	3.398	850	1.700	848	Chiềng Ban, Chiềng Chung, Chiềng Dong
4	Sốp Cộp	150	225	45	90	90	200	340	85	171	84	Dòm Cang, Púng Bính, Mường Và

Phụ lục VI
VÙNG NGUYÊN LIỆU CÀ PHÊ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN HỮU CƠ, RA, 4C
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030

(Ban hành kèm theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La)

TT	Huyện, thành phố	Vùng nguyên liệu cà phê được chứng nhận giai đoạn 2021 - 2025								Định hướng đến năm 2030	
		Tổng số		Hữu cơ		RA		4C		Tổng số	
		Tổng diện tích (ha)	Tổng sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Tổng diện tích (ha)	Tổng sản lượng (tấn)
	Tổng	15.500	31.000	920	1.840	6.180	12.360	8.400	16.800	13.500	32.500
1	TP Sơn La	4.430	8.860	250	500	1.680	3.360	2.500	5.000	3.950	9.480
2	Thuận Châu	5.100	10.200	300	600	2.000	4.000	2.800	5.600	4.300	9.976
3	Mai Sơn	5.750	11.500	350	700	2.400	4.800	3.000	6.000	5.000	12.500
4	Sốp Cộp	220	440	20	40	100	200	100	200	250	544